**MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  **(5) – (12)** | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **Chủ đề 1:**  **Một số yếu tố thống kê, xác suát** | **Nội dung 1:**  Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | ***Nhận biết:***  –Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. (Câu 1) | | 1  (0,25đ) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **2,5%** |
| ***Thông hiểu:***  – Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). (Câu 14) | |  | |  | |  | 1  (1đ) |  | |  |  |  | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Biểu thức đại số** | ***Biểu thức đại số*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được đơn thức, biểu thức đại số. (Câu 2, 3) | | 2  (0,5đ) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **5%** |
| **Vận dụng:**  – Tính được giá trị của một biểu thức đại số. (Câu 14a) | |  | |  | |  |  |  | | 1  (1đ) |  |  | **10%** |
| ***Đa thức một biến*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. (Câu 4)  – Nhận biết được bậc của đa thức một biến. (Câu 11)  – Nhận biết được hệ số cao nhất của đa thức một biến; (Câu 8)  -Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến(Câu 5). | | 4  (1đ) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **10%** |
| **Thông hiểu:**  – Sắp xếp đa thức theo lũy thừa giảm dần của biến (Câu 14b) | |  | |  | |  | 1  (1,0đ) |  | |  |  |  | **10%** |
| **Vận dụng:**  – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. (Câu 14c) | |  | |  | |  |  |  | | 1  (1,0đ) |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3:**  **Tam giác** | **Tam giác.Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. (Câu 6)  – Nhận biết được tam giác bằng nhau. (Câu 7)  - Nhận biết tính chất các dường trong tam giác (Câu 9,10,12)  ***Vận dụng:***  – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: Tính số đo góc, chứng minh được các góc bằng nhau, tam giác băng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). (Câu 15 a,b) | | 5  (1,25đ) | |  | |  |  |  | | 2  (2đ) |  |  | **32,5%** |
| ***Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học*** | ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. (Câu 16) | |  | |  | |  |  |  | |  |  | 1  (1đ) | **10%** |
|  |  |  | |  | |  |  |  | |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  | | 12  (3,0đ) | |  |  | 2  (2đ) |  | | 4  (4,0đ) |  | 1  (1đ) | 19  (10đ) |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | | **30%** | | | **20%** | | **40%** | | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **50%** | | | | | | **50%** | | | | **100%** |

**MA TRẬN ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  **(4) – (11)** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(12)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  Một số yếu tố thống kê, xác suất | **Nội dung 1:**  Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | 1  (0,25đ) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5%** |
|  |  |  | 1  (1đ) |  |  |  |  | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2:** Biểu thức đại số | ***Biểu thức đại số*** | 2  (0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  |  |  | 1  (1đ) |  |  | **10%** |
| ***Đa thức một biến*** | 4  (1đ) |  |  |  |  |  |  |  | **10%** |
|  |  |  | 1  (1,0đ) |  | 1  (1,0đ) |  |  | **20%** |
| 3 | **Chủ đề 3:**  Tam giác | Tam giác.*Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác* | 5  (1,25đ) |  |  |  |  |  |  |  | **12,5%** |
|  |  |  |  |  | 2  (2,0đ) |  |  | **20%** |
| *Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học* |  |  |  |  |  |  |  | 1  (1 đ) | **10%** |
| **Tổng** | | | 12  (3,0 đ) |  |  | 2  (2đ) |  | 4  (4,0đ) |  | 1  (1đ) | 19  (10đ) |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **20%** | | **40%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HƯƠNG SƠN  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 02 trang*) | **BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**  **Môn: TOÁN 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  *Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**I. TRẮC NGHIỆM:***(3,0 điểm).* **Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu hỏi sau rồi ghi vào giấy làm bài.**

**Câu 1:** Gieo một xúc xắc đồng chất ngẫu nhiên một lần. Xác suất của biến cố “Mặt xuất hiện ba chấm của xúc xắc” là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**. | **B.**. | **C.1**. | **D.**. |

**Câu 2:** Biểu thức nào sau đây là đơn thức?

**A.** 2x + 5y. **B.** x – 8y.  **C.** x2.y **D.** 

**Câu 3:** Biểu thức nào sau đây không phải là biểu thức đại số:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. 5xy**. | **B.** 4x – 2y3. | **C.** . | **D.** 5. |

**Câu 4:** Biểu thức nào sau đây là đa thức một biến?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** x + 7xy. | **B.** x5 – 5y. | **C.** x2 + 9. | **D.** + 13x -5 |

**Câu 5.** Đa thức 3x – 4 có nghiệm là:

A. x = 2 B. x =  C. x =  D. x = 

**Câu 6:** Dựa vào bất đẳng thức tam giác, kiểm tra xem bộ ba nào trong các bộ ba đoạn thẳng có độ dài cho sau đây là ba cạnh của một tam giác?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1cm; 3cm; 6cm. | **B.** 2cm; 5cm; 7cm. | **C.** 2cm; 4cm; 5cm. | **D.** 8cm; 5cm; 1cm. |

**Câu 7:** Tam giác ABC và tam giác MNP có AB = NM, góc B = góc M, BC = MP. Khi đó cách viết nào sau đây để hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh - góc - cạnh là đúng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** = | **B.**  = | **C.**  = | **D.**  = |

**Câu 8:** Cho đa thức P = x3 + 5x + 2 + 3x2 – x + x2. Hệ số cao nhất của đa thức P(x) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. 1**. | **B.** 5. | **C. 4**. | **D.** 3 . |

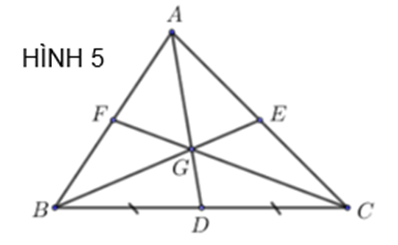
**Câu 9:** Các đường cao của tam giác ABC cắt nhau tại H thì

A. điểm H là trọng tâm của tam giác ABC.

B. điểm H cách đều ba cạnh tam giác ABC.

C. điểm H cách đều ba đỉnh A, B, C.

**D**. điểm H là trực tâm của tam giác ABC.

**Câu 10.** Cho hình 5, với G là trọng tâm của . Tỉ số giữa *GD* và *AD* là

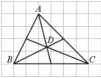
**A**. . B. .

C. 2. D. .

**Câu 11.** Đa thức 2x3 – 5x + 1 có bậc bằng

1. 4. **B**. 3. C. 2. D. 1.

**Câu 12:** . Trong *Hình 4,* điểm *D* là:

**A**. Giao điểm ba đường trung tuyến tam giác ABC

1. Giao điểm ba đường cao của tam giác ABC
2. Giao điểm ba đường phân giác của tam giác ABC. Giao điểm ba đường trang trực của tam giác ABC
3. Giao điểm ba đường trung trực của tam giác ABC.

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)***.**

**Câu 13:***(1điểm)* Gieongẫu nhiên xúc xắc một lần. Tìm số phần tử của tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc. Khả năng xuất hiện từng mặt là bao nhiêu?

**Câu 14:** *(3,0 điểm)*

a)Tính giá trị của biểu thức  tại .

b)Sắp xếp đa thức  theo số mũ giảm dần của biến.

c)Tính tổng của hai đa thức  và .

**Câu 15:** *(2 điểm)* Cho tam giác *ABC* có *BAC* = 50°, *ACB* = 70°. Điểm I nằm trong tam giác thoả mãn góc *IAB = 25*°, góc *ICB* = 35°.

a) Chứng minh rằng tia *CI* là tia phân giác của góc *ACB.*

b) Gọi *D, E, F* lần lượt là hình chiếu vuông góc của I lên các đường thẳng *BC, CA, AB.* Chứng minh rằng I là giao điểm của ba đường trung trực của tam giác *DEF.*

**Câu 16:** *(1 điểm)*

Gia đình Bác Hà muốn mua một căn nhà ở trung tâm thành phố Hà Tĩnh để thuận tiện cho việc mua sắm, đi học của các con, và khám bệnh khi cần thiết sao cho khoảng cách từ căn nhà đó đến siêu thị, bệnh viện, trường học, đều bằng nhau. Em hãy giúp Bác năm xác định vị trí căn nhà cần mua ở đâu?

**---------HẾT----------**

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **Môn: TOÁN 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  (*Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang*) |

**I. TRẮC NGHIỆM:** *(3,0 điểm)*

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | A | C | C | C | B | C | D | A | D | A | B | A |

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **Câu 13:** *(1điểm)* | a) | Tập hợp gồm các kết quả xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc là: A={mặt 1 chấm, mặt 2 chấm, mặt 3 chấm, mặt 4 chấm , mặt 5 chấm, mặt 6 chấm}.  Khả năng xuất hiện của từng mặt là như nhau.  Vậy khả năng xuất hiện của mỗi mặt là | 0,5  0,5 |
| **Câu 14:**  *(3 điểm)* | a) | Tính giá trị của đa thức  tại  Giá trị đa thức là: -1 | 1 |
| b) | Sắp xếp đa thức  theo số mũ giảm dần của biến  = 8x5 – 6x2 + 4x - 3 | 1 |
| c) | Tính tổng của hai đa thức  và .  *A(x) + B(x) = 3x3 + 3x2 + 3x - 3* | 1 |
| **Câu 15:**  *(2,0 điểm)* |  | (Vẽ hình; ghi giả thiết, kết luận đúng) | 0,25 |
| a) | Ta có:  *gócICB = 350 = góc ICA = ½ gócACB,* tia *CI* nằm trong góc *ACB.*  Do đó, CI là tia phân giác của góc ACB. | 0,5  0,25  0,25 |
| b) | Vì *I* thuộc tia phân giác của góc *ACB* nên *ID = IE.*  Vì *I* thuộc tia phân giác của góc *ABC* nên *ID = IF.*  Do đó, ID = IE = IF.  Suy ra, I là giao điểm của ba đường trung trực của tam giác *DEF.* | 0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 16:**  *(1 điểm)* |  |  |  |
|  | Gọi A, B, C là ba điểm tương ứng với 3 địa điểm đánh dấu trên hình.  Vì A, B, C là ba điểm không thẳng hàng nên chúng tạo thành một tam giác (ABC).  Gọi O là vị trí của căn nhà cách đều ba địa điểm được minh họa trong hình trên.  Vì điểm O cách đều 3 điểm A, B, C, nên OA = OB = OC  => O là giao điểm của ba đường trung trực trong ABC  Vậy vị trí cách đều ba địa điểm đã cho là giao điểm của ba đường trung trực của tam giác mà chúng tạo thành. | 0,5  0,5 |

**----------HẾT----------**